

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HÒA THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/DS-ST

Ngày: 29/4/2022.

V/v T/chấp “Hợp đồng vay TS”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Lành.***

***Các hội thẩm nhân dân:***

**1- Bà Dương Thị Tư;**

**2- Ông Trần Văn Thạch.**

***Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim Anh*** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Du*** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2022/QĐST- DS, ngày 25/4/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **N.T.T.L**, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Số M 77/2D, tổ 36A, khu phố Hiệp Hòa, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

\* *Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn:* Chị **Kim Cẩm Thúy**, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Khu phố Ninh Lợi, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 23/4/2021) – có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **H.T.L**, sinh năm: 1972 (có mặt);

Bà **P.T.H**, sinh năm: 1974 (vắng)

Cùng địa chỉ: Số D40/12, khu phố Hiệp Trường, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- *Người có quyền nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Lê Thị Ánh Trúc**, sinh năm: 1987. Địa chỉ: số 17, hẻm 02, Hiệp Trường, Hiệp Tân, Thị xã Hòa Thành Tây Ninh (có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt).

2. Bà **Lê Thị Anh Đào**, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Số 71, tổ 3, ấp Bến Kinh, xã Đôn Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt).

3. Bà **Lê Thị Anh Thảo**, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Số 324, ấp Lộc Thạnh, xã Lộc Giang, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An (có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 22/6/2021 nguyên đơn bà N.T.T.L, quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên tòa - người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày:* Ngày 14/12/2020, bà N.T.T.L có cho ông H.T.L vay nợ số tiền 90.000.000đồng, mục đích để đáo nợ ngân hàng, lãi suất thỏa thuận ngày là 270.000đồng/nợ gốc, thời hạn vay là sau khi đáo nợ ngân hàng sẽ trả, tuy nhiên chỉ thỏa thuận miệng, không thỏa thuận bằng văn bản. Nhưng sau khi vay được nợ thì ông L chỉ thực hiện trả lãi được 05 ngày lãi = 1.350.000đồng thì ngưng trả cho đến nay, hiện ông L vẫn còn nợ vốn 90.000.000đồng. Số nợ vay là do cụ C là người môi giới trực tiếp giao tiền và nhận tiền lãi 05 ngày giao cho bà L(cụ C chết 30/4/2021). Khi vay, ông L có làm biên nhận xác nhận nợ với bà L, tuy bà H không ký giấy nhận nợ, nhưng khoản nợ này là nợ chung gia đình, nên bà H phải có nghĩa vụ cùng ông L trả nợ cho bà L. Do vậy, bà L có yêu cầu ông L cùng bà H có nghĩa vụ trả nợ bà L vốn 90.000.000đồng và trả lãi theo mức lãi suất 9%/năm từ ngày nhận tiền 14/12/2020 cho đến nay, khấu trừ tiền lãi đã nhận và giảm lãi 5.000.000đồng.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/11/2021, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa- bị đơn ông H.T.L trình bày:* Xác nhận ông L có vay số nợ vốn là 90.000.000đồng, xác nhận giấy mượn nợ có tại hồ sơ chữ ký tên và ghi họ tên là do ông L ký và viết. Tuy nhiên số nợ 90.000.000đồng ông L không mượn của bà L, mà ông L mượn của cụ C, nguồn gốc số tiền vay trước đây là 200.000.000đồng, nhưng ông L đã trả 110.000.000đồng và tiền lãi, đến ngày 14/12/2020 ông L ký lại giấy mượn nợ số tiền nợ là 90.000.000đồng, ông L ký nhận nợ với cụ C, số nợ tại biên nhận nợ trên ông L đã trả cho cụ C vào ngày 06/01/2021(al) số tiền vốn 60.000.000đồng, ông chỉ còn nợ số tiền vốn 30.000.000đồng, việc ông L trả nợ cho cụ C không có làm giấy tờ, nên không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Nay bà L khởi kiện ông L chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 30.000.000đồng.

- Đồng bị đơn P.T.H vắng mặt không lý do.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/7/2021, quá trình thu thập chứng cứ người có quyền nghĩa vụ liên quan – bà Lê Thị Thanh Trúc trình bày:* Cụ L.A.C có 03 người con tên: Lê Thị Anh Đào, Lê Thị Anh Thảo, Lê Thị Anh Trúc (tôi), cụ C mất ngày 30/4/2021, bà Trúc là người sống chung nhà với cụ C, nên bà biết rõ việc ông H.T.L vay nợ bà N.T.T.L số tiền 90.000.000đồng, vì bà L có đưa cho cụ C số tiền này để đưa cho ông L vay, ông L có viết giấy nợ cho bà L và bà L là người cất giữ, khi cụ C còn sống, thì cụ C có nhiều lần đi cùng bà L đến nhà ông L đòi nợ nhưng ông L cố tình né tránh, kể cả bà cũng đã nhiều lần đi cùng bà L đến nhà gặp ông L, nhưng ông L vẫn cố tình né tránh, nên ông L biết rõ số tiền vay tranh chấp hiện nay là tiền bà L cho ông L vay, việc ông L cho rằng ông L trả cho cụ C 60.000.000đồng vào ngày 06/01/2021 (al) tại quán cà phê là không đúng, bởi vì cụ C kể từ ngày

29/12/2020(al) bị bệnh rất nặng, không đi đứng được, nên không thể gặp ông L tại quán cà phê để nhận tiền của ông L, bà xác định cụ C không nhận số tiền 60.000.000đồng theo lời trình bày ông L. Nay bà xác định số nợ tranh chấp 90.000.000đồng giữa bà L và ông L hiện nay không liên quan đến gia đình nhà bà, nên không tranh chấp và không có yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/3/2022, bà Lê Thị Anh Đào, bà Lê Thị Anh Thảo trình bày: Cụ L.A.C có 03 người con tên: Lê Thị Anh Đào, Lê Thị Anh Thảo, Lê Thị Anh Trúc (cụ C mất ngày 30/4/2021); khi còn sống cụ C và ông H.T.L có giao dịch tiền với nhau, nguồn gốc số tiền cụ C đưa cho ông L vay là tiền của bà L đưa, gia đình bà không liên quan gì đến số tiền hiện bà L khởi kiện ông L, nên bà không tranh chấp và không có yêu cầu giải quyết.

\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên Tòa án có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, cần khắc phục. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đồng bị đơn- bà H đã được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền nghĩa vụ liên quan là đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, Điều 466; Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N.T.T.L đối với đồng bị đơn ông H.T.L, bà P.T.H; buộc ông L, bà H có nghĩa vụ trả nợ cho bà L số tiền vay 90.000.000 đồng và lãi suất theo quy định. Tính án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đồng bị đơn bà P.T.H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; người có quyền nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Anh Trúc, bà Lê Thị Anh Đào, bà Lê Thị Anh Thảo có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt theo qui định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Tại giấy mượn tiền đề ngày 14/12/2020 ghi số nợ vay là 90.000.000đồng, ông L xác nhận chữ ký tên và viết họ tên là do ông L viết và ký tên. Tuy nhiên khi giao nhận tiền cụ C là người trực tiếp giao tiền ông L nhận, nên ông L cho rằng số nợ ông vay là nợ của cụ C. Khi cụ C còn sống, bà L có cùng cụ C, kể cả cùng bà Trúc có đến nhà ông L đòi nợ nhiều lần, nhưng ông không đồng ý trả tiền cho bà L vì ông cho rằng ông nhận tiền từ ông C, phù hợp lời trình bày của bà L, bà Trúc là khoản nợ vay của bà

Lgiao cho cụ C cho ông L vay là của bà L cho vay. Ngày 30/4/2021, cụ C mất, các con của cụ là bà Trúc, bà Đào, bà Thảo xác nhận khoản nợ bà L khởi kiện ông L là của bà L cho ông L vay, cụ C chỉ là người giới thiệu cho ông L vay tiền, khoản nợ trên không liên quan đến gia đình cụ C. Song tại phiên tòa, ông L đồng ý trả nợ cho bà L, tuy nhiên ông L chỉ đồng ý trả số tiền 30.000.000đồng, vì ông L cho rằng ông L đã trả cho cụ C 60.000.000đồng vào ngày 06/01/2021 (al) tại quán cà phê, nhưng ông L không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Quá trình thu thập chứng cứ, bà Trúc là người sống chung nhà cụ C xác nhận thời gian cuối năm 2020 và đầu năm 2021 cụ C bị bệnh nặng, không đi đứng được, thì không thể nào gặp ông L tại quán cà phê để giao tiền. Cho thấy việc ông L trình bày trả số tiền 60.000.000đồng cho cụ C là không có căn cứ. Do đó, đủ cơ sở xác định ông L còn nợ bà L số tiền 90.000.000đồng.

[2.1] Về trách nhiệm trả nợ: Ông L, bà L trình bày thống nhất ông L vay nợ mục đích trả nợ ngân hàng, sử dụng cho gia đình. Ông L còn xác định bà H vợ ông L biết rõ số nợ vay mục đích sử dụng cho gia đình, nhưng do bà H đi làm xí nghiệp không nghỉ được nên vắng mặt. Việc bà H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, không cung cấp chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện của bà L, xem như từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét thấy, việc ông L vay nợ bà L phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, mục đích sử dụng vốn vay chung cho gia đình. Nên yêu cầu bà Lyêu cầu bà H, ông L cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà L là có căn cứ.

[2.3] Xét yêu cầu tính lãi suất: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn bà Lyêu cầu tính lãi suất 9%/năm/số nợ vay, tính từ khi vay nợ ngày 14/12/2020 đến nay, khấu trừ tiền lãi đã nhận và giảm lãi cho vợ chồng ông L là 5.000.000đồng là có căn cứ, nên cần ghi nhận. Tiền lãi suất được tính cụ thể:  $90.000.000 \times 0,75\% \times 16 \text{ tháng}$  15 ngày = 11.137.000đồng, khấu trừ lãi đã nhận 1.350.000đồng – giảm lãi 5.000.000đồng = 4.787.000đồng. Tổng cộng: Vốn 90.000.000đồng + lãi 4.787.000đồng = 94.787.000(Chín mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi bảy ngàn đồng).

[3] Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông L, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 463, Điều 466; Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N.T.T.L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với đồng bị đơn ông H.T.L, bà P.T.H.

Buộc ông H.T.L, bà P.T.H có nghĩa vụ trả cho bà N.T.T.L số tiền vốn 90.000.000 (Chín mươi triệu đồng), tiền lãi: 4.787.000đồng (Bốn triệu bảy trăm tám mươi bảy ngàn đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 94.787.000(Chín mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi bảy ngàn đồng).

*Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông L, bà H không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng ông L, bà H còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

2. Về án phí: Ông H.T.L, bà P.T.H phải chịu 4.739.000đồng tiền án phí sơ thẩm dân sự.

Bà N.T.T.L không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả lại cho bà N.T.T.L số tiền đã nộp tạm ứng phí 2.250.000đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai số 0009928 ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương cư trú.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .*

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX Hòa Thành;
- Chi cục THADS TX Hòa Thành;
- Các đương sự
- Lưu tập án (L).

**Huỳnh Thị Kim Lành**

